

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số **24/2023/DS-ST**

Ngày 12/4/2023

*“V/v tranh chấp về chia
tài sản chung và chia thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T- TỈNH QUẢNG NAM**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng và ông Nguyễn Công Phúc.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Việt- Thư ký TAND huyện T.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 12/4/2023, tại trụ sở TAND huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 13/4/2022 về *“Tranh chấp về chia tài sản chung và chia thừa kế”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 31/01/2023 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1975, địa chỉ thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Ủy quyền cho bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1996, địa chỉ thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

2-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980, địa chỉ tại: thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

3-Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

-Bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1996.

-Ông Trương Văn D, sinh năm 1998.

-Ông Trương Văn T, sinh năm 2001.

-Bà Trương Thị V, sinh năm 1958.

-Các cháu: Trương Văn N, sinh năm 2008; Trương Thị Khánh L, sinh năm 2010; Trương Thị Khánh L, sinh năm 2013 và Trương Văn L, sinh năm 2018. Bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột đại diện.

Đều có địa chỉ tại thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam

-Bà Trương Thị H, sinh năm 1966, địa chỉ thôn Đ, xã Bình Đ, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Các ông bà Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D, Trương Văn T, Trương Thị V và Trương Thị H có mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]-Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S kết hôn năm 1995 có 03 con chung là Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D và Trương Văn T. Năm 2013, ông Trương Văn S chết do tai nạn lao động và không để lại di chúc.

Ông Trương Văn S có cha mẹ đẻ là ông Trương Văn Ph (chết năm 2001) và bà Lê Thị C (chết tháng 11/2019) và có các anh chị em ruột là Trương Thị V, Trương Thị H và Trương Văn M (chết tháng 9/2019).

Ông Trương Văn M có vợ là bà Nguyễn Thị T và có các con chung là Trương Văn N Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L.

Năm 1996, bà L và ông S được cha mẹ ông S tặng cho thửa đất ngay chợ xã B xây nhà tạm để ở. Năm 2013, vợ chồng bà L đã phá bỏ nhà cũ và xây dựng ngôi nhà kiên cố để sử dụng cho đến nay. Năm 2015, cơ quan nhà nước đã cấp giấy chứng nhận QSD đất và QSD nhà cho hộ bà Nguyễn Thị Mỹ L với diện tích đất là 193m² loại đất ở nông thôn (thửa số 476 tờ bản đồ số 06 xã Bình Trị); nhà ở diện tích xây dựng 107,25 m², diện tích sàn 214,5m².

Bà Nguyễn Thị Mỹ L làm thủ tục để cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất và quyền sở hữu nhà ở sang cá nhân nhưng bà Nguyễn Thị T không đồng ý. Bà L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của bà và ông Trương Văn S, chia thừa kế phần di sản của ông Trương Văn S đối với ngôi nhà và các tài sản gắn liền với QSD đất tại thửa số 476 tờ bản đồ số 06 xã B. Bà L có yêu cầu được nhận nhà, tài sản gắn liền với đất và QSD đất; đồng thời sẽ có trách nhiệm bồi trả giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế của ông Trương Văn S.

[2]-Ý kiến của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị T có chồng là ông Trương Văn M (chết năm 2019) và có các con chung là Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L.

Trước đây cha mẹ ông Trương Văn M là ông Trương Văn Ph và bà Lê Thị C có thửa đất diện tích 193m² gần chợ xã B. Đối với thửa đất này cha mẹ ông M đã cho vợ chồng bà L nên bà T không có ý kiến gì. Do đất đai cha mẹ chồng để lại chưa chia nên bà T không đồng ý ký các thủ tục liên quan. Việc này là do mâu thuẫn nội bộ gia đình nên bà T chưa ký các giấy tờ đất. Vì vậy, bà T không đồng ý việc bà L yêu cầu chia tài sản chung và chia thừa kế thửa đất trên. Hiện nay các con đều còn nhỏ, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

[3]-*Ý kiến của các ông bà Trương Thị Mỹ D, Trương Văn Th, Trương Văn D:* Chúng tôi là con đẻ của ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Cha chúng tôi chết năm 2013 không để lại di chúc. Chúng tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện của mẹ tôi về chia tài sản chung và chia thừa kế di sản của cha chúng tôi là ngôi nhà gắn liền với thửa đất số 476 tờ bản đồ số 06 xã B. Chúng tôi thống nhất giao phần thừa kế được nhận cho mẹ Nguyễn Thị Mỹ L sở hữu.

[3]-*Ý kiến của các bà Trương Thị H và Trương Thị V:* Cha mẹ chúng tôi là Trương Văn P, Lê Thị C (đều đã chết) có 04 người con là Trương Thị H, Trương Thị V, Trương Văn S và Trương Văn M. Thửa đất số 476 tờ bản đồ số 06 xã B có nguồn gốc của cha mẹ chúng tôi tạo lập khoảng năm 1980. Khi còn sống, cha mẹ chúng tôi đã tặng cho vợ chồng em trai là Trương Văn S, Nguyễn Thị Mỹ L. Đến nay bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất. Vì vậy, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng Trương Văn S, Nguyễn Thị Mỹ L. Chúng tôi không có tranh chấp gì liên quan đến tài sản của Trương Văn S và Nguyễn Thị Mỹ L. Đối với phần thừa kế của mẹ chúng tôi được nhận từ Trương Văn S, chúng tôi giao cho bà Nguyễn Thị M Lệ sở hữu.

[5]-*Ý kiến của kiểm sát viên:* TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bà Nguyễn Thị T không chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng nên đề nghị xét xử vắng mặt bà T. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L, chia tài sản chung giữa bà L và ông Trương Văn S, thừa kế theo pháp luật di sản của ông S trong khối tài sản chung với bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Tiên theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về tài sản chung và di sản thừa kế:

Thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam có nguồn gốc từ ông Trương Văn Ph và bà Lê Thị C. Khi còn sống, ông Ph và bà C đã tặng cho thửa đất trên cho vợ chồng ông Trương Văn S và bà Nguyễn Thị Mỹ L để làm nhà tạm. Năm 2013, bà L và ông S tháo dỡ ngôi nhà tạm và xây dựng ngôi nhà kiên cố hiện nay. Năm 2015, hộ bà Nguyễn Thị Mỹ L đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận QSD đất và đến năm 2020 được sở Tài nguyên-môi trường

Quảng Nam cấp giấy chứng nhận QSD đất và quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

Bà Trương Thị V và Trương Thị H đều có lời khai xác nhận thừa đất trên cha mẹ đã tặng cho vợ chồng ông S và bà L. Các ông bà Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D và Trương Văn T đều có lời khai xác nhận thừa đất và ngôi nhà là tài sản của cha mẹ tạo lập.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định ngôi nhà và tài sản gắn liền với thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S

Theo kết quả định giá tài sản do Tòa án tiến hành ngày 09/12/2022 xác định tổng giá trị tài sản chung của bà L và ông S là 1.384.667.000đ. Trong đó:

-Giá trị QSD đất theo thị trường chuyển nhượng tại địa phương là 5.000.000đ/m². Giá trị toàn bộ thửa đất theo diện tích được công nhận trong giấy chứng nhận QSD đất là 5.000.000đ x 193m² = 965.000.000đ.

-01 ngôi nhà đúc 02 tầng, tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, nền gạch men, diện tích xây dựng 107,25m², diện tích sàn 214,5m², trị giá 335.112.520đ.

-01 mái che phía trước nhà bằng tôn diện tích 39.8m² trị giá 19.358.720đ.

-01 mái che phía sau nhà bằng tôn diện tích 44.9m² trị giá 21.839.360đ.

-01 nhà phụ (quán phía trước nhà chính) diện tích 40.4m² trị giá 43.357.000đ.

[3]-Về hàng thừa kế, người thừa kế:

Bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S đăng ký kết hôn năm 1995 có 03 con chung là Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D và Trương Văn T.

Ông Trương Văn S có cha mẹ đẻ là ông Trương Văn P (chết năm 2001) và bà Lê Thị C (chết tháng 11/2019) và có các anh chị em ruột là Trương Thị V, Trương Thị H và Trương Văn M.

Ông Trương Văn M (chết tháng 9/2019) có vợ là bà Nguyễn Thị T và có các con chung là Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L.

Ông Trương Văn S chết năm 2013 không để lại di chúc nên di sản của ông Trương Văn S được chia theo pháp luật. Những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông Trương Văn S gồm: Vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ L, mẹ là bà Lê Thị C, các con đẻ là Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D và Trương Văn T.

Bà Lê Thị C đã chết nên phần di sản bà C được hưởng từ ông Trương Văn S được chia cho những người thuộc hàng thứ nhất của bà C gồm bà Trương Thị V, bà Trương Thị H và ông Trương Văn M.

Ông Trương Văn M chết trước bà Lê Thị C nên phần di sản ông M được nhận từ bà Lê Thị C được chia cho những người thừa kế thế vị của ông M gồm

các con là Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L

[4]-Về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S và di sản thừa kế của ông Trương Văn S:

4.1-Ngôi nhà chính và tài sản gắn liền với thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 diện tích 193m² xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S. Do vậy, bà L và ông S mỗi người được sở hữu 50% giá trị của khối tài sản chung, tương đương số tiền 692.333.000đ.

4.2-Ông Trương Văn S chết không để lại di chúc nên phần di sản của ông S có giá trị 692.333.000đ được chia theo pháp luật:

-Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Nguyễn Thị Mỹ L, Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D, Trương Văn T và Lê Thị C. Mỗi người được nhận di sản có giá trị $692.333.000\text{đ}/5 = 138.467.000\text{đ}$.

-Các ông bà Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D, Trương Văn T có yêu cầu giao phần di sản của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L sở hữu. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

4.3-Bà Lê Thị C chết không để lại di chúc nên phần di sản của bà C được hưởng từ ông ông S có giá trị 138.467.000đ được chia theo pháp luật:

-Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Trương Văn M, Trương Thị V và Trương Thị H. Mỗi người được nhận di sản có giá trị $138.467.000\text{đ}/3 = 46.155.000\text{đ}$.

-Bà Trương Thị H và Trương Thị V có yêu cầu giao phần di sản của mình được hưởng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L sở hữu. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của các đương sự là tự nguyện, phù hợp pháp luật và đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

4.4. Tổng giá trị tài sản chung và di sản thừa kế của ông Trương Văn S, bà Nguyễn Thị Mỹ L được nhận là: $692.333.000\text{đ} + 646.178.000\text{đ} = 1.338.511.000\text{đ}$.

Tổng giá trị di sản thừa kế của ông Trương Văn S mà những người thừa kế thế vị của ông Trương Văn M (gồm các con là Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L) được nhận là 46.155.000đ.

4.5.Khối tài sản trên phần lớn thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Mỹ L, hiện tại bà L chỉ có ngôi nhà và QSD đất trên là chỗ ở duy nhất, do vậy Hội đồng xét xử thấy cần giao cho bà L sở hữu toàn bộ là phù hợp; bà L có nghĩa vụ bồi trả tiền nhận di sản cho những người thuộc hàng thừa kế thế vị của ông Trương Văn M là 46.155.000đ.

4.6-Theo giấy chứng nhận QSD đất thì thửa đất 476 tờ bản đồ số 06 xã B có diện tích là 193m². Theo mảnh trích đo số 01-2022 ngày 28/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất nêu trên có diện tích thực tế là

255,8m², tăng so với giấy chứng nhận QSD đất 62,8m². Theo Công văn số 01/CV-UBND ngày 03/01/2023 của UBND xã B xác định, thửa đất không có sự thay đổi về hình thể; diện tích đất 62,8m² tăng thêm là trong quá trình sử dụng, người sử dụng đất khai phá thêm, hiện tại không có tranh chấp và đủ điều kiện để công nhận QSD đất. Do vậy, diện tích đất này được tạm giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L sử dụng; bà L có nghĩa vụ đăng ký QSD đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

[5]-Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000đ. Bà Nguyễn Thị Mỹ L đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà L có ý kiến thống nhất việc bà L tự nguyện chịu khoản chi phí nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]-Về án phí:

-Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

-Các cháu Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L là trẻ em nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609,623,612,613,649,650,651,652 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, tuyên xử:

[1]-Xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S gồm

-Quyền sử dụng đất diện tích 193m² loại đất ở nông thôn tại thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam trị giá 965.000.000đ (chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng y).

-Các tài sản gắn liền với thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam gồm:

+01 ngôi nhà đúc 02 tầng, tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, nền gạch men, diện tích xây dựng 107,25m², diện tích sàn 214,5m², trị giá 335.112.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười hai nghìn đồng y).

+01 mái che phía trước nhà bằng tôn diện tích 39.8m² trị giá 19.359.000đ (mười chín triệu ba trăm năm mươi chín ngàn đồng y).

+01 mái che phía sau nhà bằng tôn diện tích 44.9m² trị giá 21.839.000đ (hai mươi một triệu tám trăm ba mươi chín ngàn đồng y).

+01 nhà phụ (quán phía trước nhà chính) diện tích 40.4m² trị giá 43.357.000đ (bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn đồng y).

Trong đó:

-Phần của ông Trương Văn S là 50% (tương ứng với số tiền 692.333.000đ).

-Phần của bà Nguyễn Thị Mỹ L 50% (tương ứng với số tiền 692.333.000đ).

[2]-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mỹ L. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn S và chia thừa kế theo pháp luật di sản của Trương Văn S như sau:

2.1-Giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L được nhận quyền sử dụng đất và sở hữu các tài sản:

-Quyền sử dụng đất diện tích 193m² loại đất ở nông thôn tại thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam trị giá 965.000.000đ. Theo mảnh trích đo số 01-2022 ngày 28/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam thửa đất có tứ cận: phía Đông giáp đường vào xóm, phía Tây giáp nhà ông Trần Văn T, phía Nam giáp Quốc lộ 14E, phía Bắc giáp đường hẻm.

-Các tài sản gắn liền với thửa đất số 476 tờ bản đồ 06 xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam gồm:

+01 ngôi nhà đúc 02 tầng, tường xây gạch, trụ bê tông cốt thép, nền gạch men, diện tích xây dựng 107,25m², diện tích sàn 214,5m², trị giá 335.112.000đ (ba trăm ba mươi lăm triệu một trăm mười hai nghìn đồng y).

+01 mái che phía trước nhà bằng tôn diện tích 39.8m² trị giá 19.359.000đ (mười chín triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng y).

+01 mái che phía sau nhà bằng tôn diện tích 44.9m² trị giá 21.839.000đ (hai mươi một triệu tám trăm ba mươi chín nghìn đồng y).

+01 nhà phụ (quán phía trước nhà chính) diện tích 40.4m² trị giá 43.357.000đ (bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng y).

2.4-Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ bồi đắp trả tiền nhận di sản cho những người thừa kế thế vị của ông Trương Văn M gồm các cháu Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L 46.155.000đ(bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng y). Bà Nguyễn Thị T là người đại diện của các cháu Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L được nhận số tiền trên.

2.5-Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền nêu trên thì bà Nguyễn Thị Mỹ L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

2.6-Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Mỹ L diện tích đất 62,8m² tăng thêm theo mảnh trích đo số 01-2022 ngày 28/11/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Quảng Nam. Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật.

[3]-Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 52.155.000đ (năm mươi hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 15.860.000đ theo Biên lai thu số 0005803 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, còn lại bà Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 36.295.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

-Các cháu **Trương Văn N, Trương Thị Khánh L, Trương Thị Khánh L và Trương Văn L** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4]-Về quyền kháng cáo:Các ông bà Nguyễn Thị Mỹ L, **Trương Thị Mỹ D, Trương Văn D, Trương Văn T, Trương Thị V và Trương Thị H** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/4/2023). Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

[5]- Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNam;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Công Min